

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ (đợt 4) và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (phía Bắc)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2117/TTr-STNMT ngày 17/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ (đợt 4) và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (phía Bắc) tại các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.411.857.600 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm mười một triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân và 01 tổ chức đợt 4 (phụ lục 01): 347.184.000 đồng (trong đó giá trị bồi thường, hỗ trợ là 341.184.000 đồng; thường đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có) là 6.000.000 đồng);
- Bổ sung giá trị bồi thường cho 93 hộ dân tại các đợt 1, 2 và 3 (phụ lục 02): 2.277.060.800 đồng;
- Bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân (phụ lục 03): 720.713.600 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 66.899.200 đồng (bao gồm phí thẩm định phương án 0,2% là 6.690.000 đồng, trong đó có phí thẩm định của Sở TN&MT là 4.683.000 đồng).

Nguồn kinh phí chi trả: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác.

Điều 2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Xu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (b/c);
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K7. *Xu*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục 01

Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và tổ chức đợt 4 do GPMB

Thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ

Phú Tài đến ngã ba Long Vân (phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số **2693** /QĐ-UBND ngày **25/9/2013** của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT		Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Tổng cộng đền bù, hỗ trợ	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có)
A. Những trường hợp không có GCN QSD đất			103.10	343.843.027	6.000.000
1	Nguyễn Thứ, vợ Huỳnh Thị Lượng	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	20.70	209.807.099	1.000.000
2	Nguyễn Thị Sáu	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	12.60	127.117.928	5.000.000
3	Phạm Văn Rôi, vợ Nguyễn Thị Tịnh	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	69.80	918.000	0
B. Đơn vị, tổ chức:			57.60	3.340.800	0
1	UBND phường Trần Quang Diệu	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	57.60	3.340.800	0
	Cộng		160,70	341.183.827	6.000.000
	Giá trị làm tròn			341.184.000	

Duch

Am

Phụ lục 02

Bổ sung giá trị bồi thường cho 93 hộ dân tại các đợt 1, 2 và 3 do GPMB thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân (phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số **2693/QĐ-UBND** ngày **15/9/2013** của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT		Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	Lê Thanh Tùng	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	20.20	62.275.600
2	Trần Thị Gia	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.10	27.126.800
3	Nguyễn Văn Lanh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.00	5.476.000
4	Phan Bảo Quốc	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	0.60	2.044.800
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	3.00	10.224.000
6	Nguyễn Văn Thương	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	10.40	31.959.200
7	Đinh Thị Lân	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.80	27.167.400
8	Phan Văn Thoại	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	12.70	36.380.600
9	Phan Đình Lo	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.60	27.088.800
10	Nguyễn Đình	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.10	25.384.800
11	Nguyễn Văn Thâu	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.30	25.463.400
12	Phan Hữu Bận, vợ Nguyễn Thị Liễu đứng tên chủ sử dụng	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	5.00	15.097.000
13	Phan Hữu Bận	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	5.20	14.773.600
14	Đặng Văn Phong	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	7.60	20.808.800
15	Nguyễn Thị Châu Long	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.70	8.531.600
16	Huỳnh Thị Ngọc Hoa, con Nguyễn Ngọc Triều ĐDKK	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.50	6.845.000
17	Trần Thị A	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.70	7.392.600
18	Đặng Thị Thi	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.00	24.642.000
19	Nguyễn Thị Phương	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	13.20	36.141.600
20	Đào Văn Long	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	3.70	10.130.600
21	Huỳnh Kim Tuyết	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.00	5.476.000

22	Nguyễn Hữu Quang	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	1.00	2.738.000
23	Nguyễn Ngọc Định	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	12.90	35.320.200
24	Phạm Thị Hường	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	11.10	30.391.800
25	Nguyễn Văn Toại	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	12.10	33.129.800
26	Đặng Hồng Nhật	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	11.00	30.118.000
27	Võ Minh Liên	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	3.00	8.214.000
28	Lê Tổng, con Lê Văn Can ĐDKK	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	6.30	17.249.400
29	Trần Xuân Mai	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	1.90	5.202.200
30	Phạm Tùng Lâm	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	14.60	41.448.800
31	Ung Thành Hòa	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	21.90	59.962.200
32	Đoàn Ngọc Anh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	19.50	53.391.000
33	Huỳnh Tư	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	12.10	33.129.800
34	Đặng Hồng Nhật	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	9.10	24.915.800
35	Phạm Thị Dung	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	14.30	39.153.400
36	Huỳnh Lộc	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	17.80	48.736.400
37	Nguyễn Văn Sinh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	6.10	16.701.800
38	Huỳnh Phương	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	13.10	35.867.800
39	Bạch Ngọc Lập	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	8.90	24.368.200
40	Nguyễn Trung Thành	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	7.30	19.987.400
41	Cty TNHH Vân Hùng (Trương Vân Hùng)	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	10.00	27.380.000
42	Tổng Hồng Lang	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	6.60	18.070.800
43	Trần Ngọc Sơn	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	2.90	7.940.200
44	Nguyễn Văn Tuấn, con Nguyễn Hồng Hoa ĐDKK	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	7.50	20.535.000
45	Trần Phi Hồ	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	8.60	23.546.800
46	Đặng Đình Hồng	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	5.80	15.880.400

47	Đặng Thành Long	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	31.00	84.878.000
48	Trần Lúc	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	10.70	29.296.600
49	Nguyễn Chánh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	6.70	18.344.600
50	Đặng Yêm	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	10.50	28.749.000
51	Trần Dĩnh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	16.50	48.728.000
52	Nguyễn Chánh	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	10.10	29.663.800
53	Phan Vĩnh Phước	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	50.00	152.243.000
54	Phan Thanh Hải	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	15.80	45.471.400
55	Nông Thị Đào, con Nguyễn Anh Tuấn ĐDKK	Khu vực 9, phường Trần Quang Diệu	17.70	51.142.600
56	Lương Ngọc Lênh	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	7.10	19.439.800
57	Đặng Thị Sa	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	8.50	23.273.000
58	Trần Minh Tuấn	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.50	12.321.000
59	Đỗ Thị Em	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	13.50	36.963.000
60	Nguyễn Kim Sơn	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	9.40	25.737.200
61	Trần Em	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.30	4.430.400
62	Trần Em	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.50	12.321.000
63	Nguyễn Quốc Trương	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.10	11.225.800
64	Võ Xuân Hạnh	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	5.10	16.576.800
65	Nguyễn Chín	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	5.60	15.868.800
66	Nguyễn Thị Bửu Trương	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	6.80	18.618.400
67	Nguyễn Bửu Lê Tân, vợ: Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	3.70	10.130.600
68	Nguyễn Đình Thắng	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.80	13.142.400
69	Nguyễn Hữu Thiết	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	14.40	39.427.200
70	Nguyễn Bửu Minh Châu	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	42.80	118.392.400
	Nguyễn Bửu Minh Châu	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	27.40	75.021.200

Am

71	Đặng Thành Phương, vợ: Phan Thị Thanh Trúc	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	13.70	40.123.600
72	Trần Thanh Trì	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	11.20	33.479.600
73	Huỳnh Thị Ngọc Hạnh. Con: Trần Huỳnh Quốc Sỹ ĐDKK	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.60	15.676.800
74	Đặng Mật	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	5.80	15.880.400
75	Nguyễn Văn Việt	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	3.40	9.309.200
76	Nguyễn Thử, Nguyễn Thừa, Nguyễn Thiện	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.00	2.738.000
77	Lai Văn Thiện	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.80	7.666.400
78	Lai Văn Đích	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.30	6.297.400
79	Lai Thị Mỹ Sâm	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.40	3.833.200
80	Lai Thị Ly Ly	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.20	6.023.600
81	Nguyễn Xuân Trường	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.30	3.559.400
82	Nguyễn Thị Cảnh, con Nguyễn Xuân Trường ĐDKK	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.90	5.202.200
83	Phan Tường Linh, vợ: Trần Thị Bích Hồng	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	0.60	1.642.800
84	Nguyễn Đặng Diễm Hà	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	0.90	2.464.200
85	Bùi Thanh Quang, vợ Huỳnh Thị Em	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	8.70	24.557.600
86	Tô Trí Hoang	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	4.10	11.225.800
87	Phan Văn Sơn, vợ; Tô Thị Huỳnh Hòa	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.80	7.666.400
88	Huỳnh Thị Hiệp	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.60	4.380.800
89	Tô Trí Dũng	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.90	7.940.200
90	Tô Huỳnh Đạo	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	0.90	2.464.200
91	Hà Thị Hồng	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	1.90	5.202.200
92	Nguyễn Minh Tú	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.70	7.392.600
93	Nguyễn Thành Đồng (con Nguyễn Thành Đô ĐDKK)	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	2.60	7.118.800
Tổng cộng:			808,60	2.277.060.800

Am

Phụ lục 03

**Bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân do GPMB thực hiện dự án
Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân
(phía Bắc)**

(Kèm theo Quyết định số **2693/QĐ-UBND** ngày **25/9/2013** của Chủ tịch UBND tỉnh)
ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ
I. CÁC HỘ ĐIỀU CHỈNH VỀ ĐẤT THEO VB 42/UBND-ĐC NGÀY 21/5/2013			476.565.600
1	Lê Đức Giữa vợ: Phạm Thị Mân	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	346.973.200
2	Nguyễn Thị Bay	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	129.592.400
II. HỘ HỖ TRỢ 40% GIÁ ĐẤT Ở			244.148.000
3	Phan Thanh Liêm; vợ Nguyễn Thị Lệ Thanh	Khu vực 1, phường Trần Quang Diệu	244.148.000
Tổng cộng= I + II			720.713.600

Am